

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **534/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

2. Ông Phạm Văn Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: TK 40/5, hẻm 393 đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Kelvin Paul B**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Đường L, xã A, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 29/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà và ông Kelvin Paul B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H, tỉnh H vào ngày 21/6/2019. Trong quá trình chung sống thì giữa bà và ông B phát sinh những vấn đề bất đồng như quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Bà và ông B sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Kelvin Paul B.

Về con chung, bà và ông B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/4/2021 (có phiên dịch) – bị đơn ông Kelvin Paul B trình bày:*

Ông tên là Kelvin Paul B, sinh năm 1968 tại W, L. Hiện thời ông đang sống tại chung cư xã A, huyện D.

Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị M. Ông chúc vợ cũ của ông khỏe mạnh trong tương lai và có cuộc sống hạnh phúc. Ông bà không có con chung hay tài sản chung, nợ chung. Ông khai báo đây là sự thật.

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Kelvin Paul B. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã A, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Kelvin Paul B có sinh sống tại xã A, huyện D (có đăng ký trên internet của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Kelvin Paul B đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 21/6/2019 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Theo trình bày của bà M thì giữa bà và ông B phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Đồng thời, ông B cũng đồng ý ly hôn với bà Minh.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà M và ông B việc phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân là có thật. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn

nhân giữa bà M và ông B đã không đạt được, đời sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà M yêu cầu ly hôn đối với ông B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà M và ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Bà M và ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà M và ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Về chi phí phiên dịch: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị M yêu cầu phiên dịch nên bà M phải chịu chi phí phiên dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 168, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và điểm a khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Kelvin Paul B về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Kelvin Paul B. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Kelvin Paul B chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 11 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 21/6/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Kelvin Paul B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Kelvin Paul B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Kelvin Paul B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà M đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080794 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Minh đã nộp đầy đủ án phí.

3. Về chi phí phiên dịch: Bà Nguyễn Thị M phải chịu chi phí phiên dịch là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Bà M đã nộp đầy đủ chi phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

**Trần Thị Hồng Cẩm**

2AAKKAL\*ειφχαα+